

SUY NGHĨ LẠI VỀ GIÁO DỤC HOA KỲ

BEN WILDAVSKY. **Think again: Education.**
Foreign Policy, 2011, March-April, 6p.

XUÂN TÙNG
dịch

Trẻ em Mỹ đang tụt lại phía sau

Không hẳn vậy. Bất cứ ai muốn tìm kiếm những dấu hiệu cho thấy sự thụt lùi của Mỹ trong thế kỷ XXI dường như chỉ cần nhìn vào những kết quả mới nhất về kiểm tra giáo dục quốc tế. Theo chương trình đánh giá học sinh sinh viên quốc tế (PISA) – một thước đo quốc tế được tham chiếu nhiều nhất trong lĩnh vực giáo dục, trong tổng số 65 quốc gia được khảo sát, học sinh trung học phổ thông của Mỹ xếp hạng 31 về toán học, hạng 23 về khoa học và hạng 17 về kỹ năng đọc. Trong khi đó, học sinh Trung Quốc tại thành phố Thượng Hải đứng hàng đầu trong cả ba môn học này, mặc dù đây là lần đầu tiên các em tham gia làm các bài kiểm tra quốc tế như vậy. Phát biểu với tờ *Washington Post* khi những kết quả nói trên được công bố vào tháng 12/2010, Bộ trưởng Giáo dục Mỹ Arne Duncan cho biết: “Đối với tôi, đây là một lời cảnh tỉnh nghiêm khắc. Chúng ta có bao giờ hài lòng với việc Mỹ chỉ đứng ở thứ hạng trung bình hay chưa? Đó là khát vọng của chúng ta sao? Mục tiêu của chúng ta chắc chắn

phải là dẫn đầu thế giới trong lĩnh vực giáo dục”. Kết quả khảo sát còn khiến dân Mỹ có cảm giác rằng nước Mỹ đang đối mặt với “thời khắc Sputnik”, như lời Tổng thống Barack Obama từng phát biểu trong thông điệp của ông về tình trạng liên bang.

Trên thực tế, hệ thống giáo dục Mỹ đã chứng kiến thời khắc Sputnik kiểu như vậy từ cách đây rất lâu. Sáu tháng sau khi Liên Xô phóng vệ tinh Sputnik năm 1957 làm choáng váng cả thế giới, một bài viết trên trang bìa tạp chí *Life* đã cảnh báo người Mỹ về một “cuộc khủng hoảng trong giáo dục”. Bài viết có ảnh minh họa đăng ở trang kế sau đã chụp hình một cậu bé 16 tuổi ở Chicago đang dự những lớp học để dãi, dạo chơi với bạn gái và tham gia luyện tập trong đội bơi lội, trong khi bạn đồng lứa của cậu ở Moscow – một nhà vật lý trẻ tuổi đầy tham vọng – lại dành 6 ngày mỗi tuần để làm những thí nghiệm vật lý và

(*) Nghiên cứu viên cao cấp Quỳ Kauffman, tác giả cuốn sách “Cuộc chạy đua trí tuệ siêu việt: Các trường đại học toàn cầu đang tái định hình thế giới như thế nào”.

hóa học cao cấp, đồng thời học thêm tiếng Anh và văn học Nga. Bài học ở đây rất rõ ràng: Giáo dục là một cuộc cạnh tranh quốc tế mà ở đó bên thua cuộc phải gánh chịu những hậu quả rất thực tế. Mối lo ngại rằng trẻ em Mỹ đang tụt hậu trong cuộc cạnh tranh này vẫn tồn tại dai dẳng, ngay cả khi các đối thủ cạnh tranh đã thay đổi – nhà khoa học tên lửa trẻ tuổi ở Moscow được thay thế bởi một kỹ sư tiềm năng ở Thượng Hải.

Nhưng thành tích của học sinh Mỹ chỉ là nguyên nhân gây hốt hoảng nếu bạn tin vào giả định rằng thành tựu giáo dục là một cuộc cạnh tranh có tổng bằng không giữa các quốc gia, một cuộc chạy đua vũ trang về trí tuệ mà ở đó thắng lợi của các nước khác tất yếu là thất bại của nước Mỹ. Bất kể bản tính ưa cạnh tranh của người Mỹ, không có lý do nào khiến Mỹ phải tự đánh giá một cách khắt khe như vậy mà chỉ đơn thuần dựa vào vị trí của mình trong trật tự thứ bậc toàn cầu. Chừng nào học sinh Mỹ không tụt hậu khi xét về những điều kiện tuyệt đối, thì chừng đó vị trí tương đối của Mỹ trong các bảng xếp hạng toàn cầu sẽ không còn có ý nghĩa quan trọng bằng việc liệu rằng nước này có đang thực sự cải thiện chất lượng giảng dạy và học tập đủ để xây dựng vốn con người cần thiết hay không.

Và theo thước đo này, cho dù đang cần có sự tiến bộ vượt bậc, hệ thống giáo dục Mỹ xem ra không hẳn đang thụt lùi một cách thâm trọng như vậy. Thành tích của học sinh Mỹ trong các môn khoa học và toán học thực sự đã cải thiện một phần kể từ đợt kiểm tra quốc tế gần nhất năm 2006 (cụ thể là, đang vươn lên mức trung bình của nước phát triển trong môn khoa học và vẫn thấp hơn mức trung bình một chút trong môn

toán). Điểm số của học sinh Mỹ về kỹ năng đọc (nằm vào nhóm giữa của các nước phát triển) hầu như không thay đổi kể từ các cuộc kiểm tra gần nhất năm 2003. Có lẽ sẽ là phi thực tế khi kỳ vọng vào sự tiến bộ nhanh hơn. Như Stuart Kerachsky, Phó Chủ tịch Trung tâm quốc gia về thống kê giáo dục Mỹ, từng nói: “Các ngành mũi nhọn không tiến xa và tiến nhanh trong giáo dục”.

Nước Mỹ từng có những học sinh thông minh nhất thế giới

Không, chưa bao giờ như vậy.

Ngay cả vào thời kỳ đỉnh cao của Mỹ về sức mạnh kinh tế và thống trị về mặt địa chính trị, học sinh sinh viên Mỹ chưa bao giờ ở vị trí đứng đầu. Năm 1958, Quốc hội Mỹ đã phản ứng trước việc Liên Xô phóng vệ tinh Sputnik bằng cách thông qua đạo luật Giáo dục Quốc phòng, qua đó cung cấp sự hỗ trợ tài chính cho các sinh viên cao đẳng học toán, khoa học và ngoại ngữ, đồng thời tập trung vào việc nâng cao tiêu chuẩn trong các môn học này tại các trường học của Mỹ. Song, khi kết quả của kỳ kiểm tra toán quốc tế đầu tiên được công bố vào năm 1967, nỗ lực này có vẻ như không tạo ra nhiều sự khác biệt. Trong tổng số 12 quốc gia, Nhật Bản chiếm ngôi đầu bảng còn Mỹ lại ở vị trí áp chót.

Vào đầu những năm 1970, học sinh sinh viên Mỹ được xếp hạng 7/19 trong các bài kiểm tra về thành tích học thuật và chưa bao giờ đạt đến vị trí số 1 hoặc thậm chí số 2. Một thập niên sau đó, “Một quốc gia lâm nguy” – bản báo cáo có ý nghĩa lớn do Ủy ban quốc gia về sự xuất sắc trong giáo dục Mỹ công bố năm 1983 – đã chỉ ra những thất bại khác trong giáo dục Mỹ để củng cố cho

quan điểm của họ rằng “nếu một cường quốc không thân thiện khác mưu toan áp đặt lên Mỹ thành tích giáo dục tầm thường như hiện tại thì người Mỹ chúng ta có thể coi đó như một hành động tuyên chiến”.

Mỗi chu kỳ hoảng loạn và tự trừng phạt đều mang theo một “tia hy vọng mới” về những nhà cải cách đang đưa ra giải pháp mới cho những thất bại về thành tích học tập của Mỹ. Chẳng hạn, một cuốn sách của tác giả Arthur S. Trace Jr có nhan đề “Điều Ivan biết còn Johnny thì không” (xuất bản năm 1961) khẳng định rằng học sinh sinh viên Mỹ đang tụt lại phía sau các bạn đồng trang lứa ở Liên Xô bởi vì các em đã học ngữ âm và từ vựng không đầy đủ. Những lo lắng hiện nay cũng không khác nhiều so với thời kỳ đó, các chuyên gia trong lĩnh vực hoạch định chính sách giáo dục cũng dựa vào thứ hạng toàn cầu đáng hổ thẹn của hệ thống giáo dục Mỹ để chứng minh cho những ý tưởng ưa thích của họ. J. Michael Shaughnessy, Chủ tịch Hội đồng giáo viên toán quốc gia, cho rằng bài kiểm tra mới đây của PISA “nhấn mạnh đến nhu cầu hợp nhất lý trí và cảm giác vào phương pháp giảng dạy toán học của chúng ta”. Randi Weingarten, Lãnh đạo Liên đoàn giáo viên Mỹ, khẳng định rằng những kết quả tương tự “cho chúng ta thấy... nếu không có những đầu tư thông minh cho giáo viên, nếu không tôn trọng họ hoặc không thu hút họ tham gia vào việc ra quyết định như các nước có thành tích cao vẫn thường làm, thì học sinh sinh viên sẽ phải trả giá đắt”.

Nếu cảm nhận có tính chất phi lịch sử của người Mỹ về sự thụt lùi trên quy mô toàn cầu đang thúc giục các nhà giáo

dục tìm kiếm những ý tưởng sáng tạo mới thì đó là điều tốt. Nhưng đừng kỳ vọng rằng bất kỳ ai trong số các nhà giáo dục đó sẽ đưa Mỹ trở lại với thời kỳ giáo dục hoàng kim – vốn chưa từng có trên thực tế.

Học sinh Trung Quốc đang ăn bữa trưa của Mỹ

Chỉ đúng một phần. Điểm nổi bật nhất trong kết quả mới đây của PISA là thành tích ấn tượng hàng đầu của học sinh, sinh viên Thượng Hải và các nhà bình luận cũng như các nhà hoạch định chính sách Mỹ khó chấp nhận nổi điều tất yếu là “người Trung Quốc đang ăn bữa trưa của chúng ta”. Một biên tập viên của tờ *USA Today* tuyên bố: “Trong khi việc Thượng Hải chiếm ngôi đầu có thể là một điều cực kỳ hấp dẫn thì sự thể hiện kém cỏi của Mỹ lại chẳng gây chút ngạc nhiên nào”.

Khả năng giáo dục xuất sắc của Trung Quốc mang tính hiện thực. Mẹ hồ không phải là chuyện hoang đường – học sinh, sinh viên Trung Quốc chủ yếu tập trung vào bài tập ở trường, với sự ủng hộ mạnh mẽ của gia đình – nhưng những kết quả thực tế này không nhất thiết cung cấp bằng chứng thuyết phục về sự yếu kém của Mỹ. Thượng Hải là một trường hợp đặc biệt và khó có thể đại diện cho toàn thể Trung Quốc; đó là nơi thu hút tài năng từ khắp Trung Quốc và được hưởng lợi từ sự đầu tư quy mô lớn của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục. Ngược lại, điểm số của Mỹ và những nước khác phản ánh thành tích của một bộ phận thanh thiếu niên theo khu vực địa lý xác định. Trung Quốc – một đất nước rộng lớn với vùng nội địa nghèo hơn và ít học hơn so với các thành phố duyên hải – có thể sẽ chứng kiến tình trạng điểm số sụt giảm mạnh nếu

họ cố gắng đưa ra một đánh giá tương tự.

Vậy những quốc gia thường xuyên dẫn đầu như Phần Lan và Hàn Quốc (học sinh, sinh viên của họ một lần nữa lại ghi điểm số cao nhất) thì sao? Những nước này chắc chắn xứng đáng với sự tin cậy về thành tích cao trong giáo dục. Trong một số lĩnh vực, họ có thể cung cấp những bài học hữu ích cho Mỹ, ví dụ như tầm quan trọng của những giáo viên chất lượng cao, được chọn lọc kỹ lưỡng. Nhưng họ lại không có những kiểu như dòng người nhập cư ô ạt đổ vào, chủ yếu là người Mỹ Latinh, và con em của những người nhập cư này thường theo học tại các trường công của Mỹ. Thật đáng tiếc, những đặc điểm nhân khẩu học của Mỹ về mặt sắc tộc, chủng tộc và kinh tế - xã hội (mà không yếu tố nào trong số này tương đồng với Phần Lan hoặc Hàn Quốc) lại gắn bó mật thiết với những cách biệt rất lớn về thành tựu giáo dục. Nhóm học sinh gốc châu Á và người da trắng không phải gốc Tây Ban Nha tại Mỹ đã làm tốt những bài kiểm tra quốc tế nói trên không kém gì học sinh của các nước có điểm số cao như Canada và Nhật Bản, trong khi các em học sinh người da đen hoặc Mỹ Latinh (chiếm hơn một phần ba số học sinh Mỹ tham gia khảo sát) chỉ ghi điểm bằng với học sinh Thổ Nhĩ Kỳ và Bungari.

Đương nhiên, giải thích không phải là đưa ra lời xin lỗi. Nước Mỹ có nghĩa vụ cho mọi công dân của mình được hưởng một nền giáo dục chất lượng cao; việc lấp chỗ trống cách biệt về thành tích giáo dục của Mỹ phải được xem như một mệnh lệnh tinh thần. Song, những so sánh đáng báo động với các nước khác (vốn có những thách thức khác hẳn so với Mỹ) lại không đem lại nhiều

ích lợi. Người Mỹ nên bớt lo lắng khi so sánh trẻ em Mỹ với trẻ em Phần Lan hơn là khi so sánh sinh viên ở Bronx với sinh viên Mỹ ở Westchester County.

Nước Mỹ không còn thu hút được những người ưu tú nhất và sáng giá nhất

Sai. Tuy người Mỹ lo lắng về thành tích học tập của học sinh nước này ở cấp tiểu học và trung học phổ thông trong nhiều thập kỷ qua, họ chắc chắn vẫn có thể hài lòng khi biết rằng hệ thống giáo dục đại học của mình ít ra đã từng ở vào vị trí hàng đầu thế giới. Nhưng hiện nay, lãnh đạo các trường đại học Mỹ tỏ ra phiền lòng khi các nước khác đã bắt kịp Mỹ trên thị trường sinh viên quốc tế, một lĩnh vực mà từ lâu Mỹ đã là “thanh nam châm” lớn nhất thế giới. Những con số cụ thể xem ra xác nhận rõ điều này. Theo những thống kê mới nhất, tỷ lệ sinh viên quốc tế ở Mỹ đã giảm từ 24% năm 2000 xuống dưới 19% vào năm 2008. Trong khi đó, tỷ lệ này ở các nước khác như Australia, Canada và Nhật Bản lại tăng lên kể từ sau năm 2000, mặc dù họ vẫn kém xa so với Mỹ.

Đóng góp có tính quốc tế của những sinh viên lưu động đang thay đổi rõ rệt, phản ánh một thị trường giáo dục toàn cầu ngày càng có tính cạnh tranh. Nhưng ngày càng có nhiều sinh viên nước ngoài ở Mỹ hơn so với một thập kỷ trước đây – năm 2008 tăng 149.000 người so với năm 2000, tức là tăng 31%. Vấn đề thực sự là ở chỗ, ngày càng có nhiều người trong số đó học tập bên ngoài lãnh thổ quê hương của họ. Khoảng 800.000 sinh viên đã ra nước ngoài học tập vào năm 1975, con số này đã chạm mốc 2 triệu người vào năm 2000 và bùng nổ lên mức 3,3 triệu người vào năm 2008. Nói cách khác, Mỹ đang

có miếng bánh nhỏ hơn, nhưng chiếc bánh thì ngày càng to hơn, thậm chí to hơn nhiều.

Và cho dù tỷ lệ sinh viên quốc tế ở Mỹ đang giảm sút, Mỹ vẫn cao hơn 9 điểm phần trăm so với đối thủ gần nhất của mình là Anh. Trong lĩnh vực giáo dục đại học cho sinh viên quốc tế, các trường đại học Mỹ là một địa điểm thu hút mạnh mẽ trong những ngành nghề có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sức cạnh tranh kinh tế của một quốc gia trong tương lai như: khoa học, công nghệ, chế tạo máy và toán học. Trong những ngành như khoa học máy tính và chế tạo máy, hơn 6/10 nghiên cứu sinh theo đuổi các chương trình đào tạo tiến sĩ của Mỹ là người nước ngoài.

Song điều đó không có nghĩa là chẳng có gì đáng lo. Mặc dù tỷ lệ nộp đơn dự tuyển của các sinh viên quốc tế vào các trường đại học Mỹ đã hồi phục sau khi bị sụt giảm mạnh thời hạn 11/9, nhưng mới đây, số lượng người nước ngoài giành được tấm bằng tiến sĩ tại các trường đại học Mỹ lần đầu tiên đã giảm sút trong vòng 5 năm qua. Các trường đại học Mỹ đang đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt của các trường đại học ở các nước khác và chính sách visa ngày càng kém cởi mở của Mỹ có thể khiến sinh viên nước ngoài có nhiều động lực hơn để tìm đến nước khác. Đó là thiệt hại của Mỹ khi xét đến những lợi ích mà việc thu hút những cá nhân giỏi nhất và thông minh nhất trên toàn thế giới mang lại cho các trường đại học Mỹ cũng như cho nền kinh tế nước này.

Các trường đại học Mỹ đang tụt lại

Không quá nhanh như vậy. Hiện không ai nghi ngờ rằng khát vọng nghiên cứu ngày càng tăng của các nước

mới nổi đã làm xói mòn vị thế thống trị lâu đời của Bắc Mỹ, Liên minh Châu Âu (EU) và Nhật Bản. Theo báo cáo năm 2010 của UNESCO, tỷ phần của châu Á trong tổng mức chi tiêu của toàn thế giới cho nghiên cứu và phát triển (R&D) đã tăng từ 27% năm 2002 lên 32% năm 2007, mà chủ yếu dẫn đầu là Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc. Những người đi đầu trong lĩnh vực nghiên cứu truyền thống cũng giảm sút trong cùng kỳ. Trong giai đoạn 2002-2008, tỷ lệ các bài báo của Mỹ trong *Danh mục trích dẫn khoa học Thomson Reuters* (Thomson Reuters Science Citation Index), cơ sở dữ liệu xếp theo tác giả các công trình nghiên cứu, đã giảm mạnh hơn so với bất kỳ nước nào khác, từ 30,9% xuống còn 27,7%. Trong khi đó, số lượng các công trình của Trung Quốc được đưa vào danh sách này đã tăng hơn hai lần, tương tự như vậy là tổng số công trình khoa học của Brazil, một quốc gia mà 20 năm trước đây, các cơ sở nghiên cứu khoa học vẫn chưa từng được thế giới biết đến.

Sự thay đổi về mặt địa lý của việc sản xuất tri thức chắc chắn là điều đáng chú ý, nhưng xét về thị trường giáo dục quốc tế, Mỹ chỉ chiếm một phần rất nhỏ của chiếc bánh phình to hết cỡ. Mức chi tiêu cho R&D trên toàn thế giới đã tăng mạnh trong thập niên vừa qua, từ 790 tỷ USD lên 1,1 ngàn tỷ USD, tức là tăng tới 45%. Và tỷ phần ngày càng giảm của Mỹ trong tổng mức chi tiêu nghiên cứu toàn cầu vẫn tăng đều nếu xét bằng giá trị đồng đôla, từ 277 tỷ USD năm 2002 lên 373 tỷ USD năm 2007. Chi tiêu cho nghiên cứu của Mỹ tính theo tỷ lệ phần trăm GDP trong cùng kỳ vẫn khá ổn định và ở mức rất cao nếu so với các tiêu chuẩn toàn cầu. Đầu tư R&D của nước

này vẫn nhiều hơn so với tổng đầu tư của tất cả các nước châu Á gộp lại.

Tương tự như vậy, tỷ phần giảm sút của Mỹ trong những công trình nghiên cứu khoa học của thế giới có thể là điều tồi tệ nếu được nhìn nhận từ quan điểm của người Mỹ. Nhưng tổng số công trình nghiên cứu được liệt kê trong Danh mục trích dẫn khoa học Thomson Reuters vẫn tăng hơn một phần ba trong giai đoạn 2002-2008. Năm 2008, ngay cả khi vị trí dẫn đầu thế giới bị chững lại, các nhà nghiên cứu của Mỹ vẫn công bố nhiều hơn 46.000 bài báo khoa học so với thời điểm 6 năm trước đó. Và bất luận trong trường hợp nào, các phát minh khoa học cũng không bị giới hạn bên trong biên giới của những nước mà ở đó chúng được tạo ra – tri thức là một loại hàng hóa công cộng, không dính dáng nhiều đến đường biên giới quốc gia. Các phát minh tại những cơ sở nghiên cứu của một nước này có thể tạo tiền đề cho các nhà sáng chế ở một nước khác tiếp tục phát triển thêm. Mỗi quốc gia không nên thờ ơ trước sự gia tăng tỷ phần nghiên cứu của mình – những đột phá lớn có thể mang lại những tác động tích cực về mặt kinh tế và lan tỏa về mặt học thuật – song cũng không nên lo ngại trước sự tăng vọt của những phát minh mũi nhọn ở các nước khác.

Thế giới sẽ đuổi kịp

Có thể, nhưng chưa thể trong một sớm một chiều. Và cũng đừng hy vọng nó sẽ có ý nghĩa nào đó. Thị trường học thuật toàn cầu chắc chắn ngày càng có tính cạnh tranh hơn bao giờ hết. Từ Trung Quốc, Hàn Quốc đến Arabia Saudi, các quốc gia đều dành ưu tiên hàng đầu cho việc thiết lập những trường đại học đẳng cấp thế giới hoặc

khôi phục vinh quang đã mất của những cơ sở giáo dục vang danh một thời. Và họ đều chi rất nhiều tiền cho việc đó: Trung Quốc hiện chi hàng tỷ USD để gia tăng số lượng sinh viên và nâng cao chất lượng của các cơ sở nghiên cứu tinh hoa của nước này, trong khi nhà vua Abdullah của Arabia Saudi đã chi 10 tỷ USD cho Đại học Khoa học và Công nghệ non trẻ mang tên vua Abdullah.

Tuy vậy, Mỹ không chỉ có một vài trường tinh hoa như hầu hết các nước đối thủ khác; trên thực tế, Mỹ có rất nhiều cơ sở giáo dục danh tiếng. Báo cáo năm 2008 của tập đoàn Rand cho biết, gần 2/3 những bài báo được trích dẫn nhiều nhất trong lĩnh vực khoa học và công nghệ là của Mỹ và 7/10 nhà khoa học đoạt giải Nobel đều đang làm việc cho các trường đại học Mỹ. Và Mỹ hiện chi khoảng 2,9% GDP cho giáo dục đại học, gấp đôi Trung Quốc, EU và Nhật Bản năm 2006.

Mặc dù trật tự thứ bậc của các cơ sở giáo dục tinh hoa lấy Mỹ làm trung tâm khó có khả năng bị đảo ngược hoàn toàn, nhưng nó sẽ dần bị rung chuyển trong những thập niên tới đây. Các nước châu Á đang có sự tiến bộ vượt bậc và có thể tạo ra những trường đại học lừng lẫy trong vòng nửa thế kỷ tới, nếu không muốn nói là sớm hơn. Chẳng hạn, tại Trung Quốc, các cơ sở giáo dục hàng đầu như Đại học Thanh Hoa và Đại học Bắc Kinh tại thủ đô Bắc Kinh, Đại học Phục Đán và Đại học Giao thông Thượng Hải (Shanghai Jiao Tong), có thể đạt được danh tiếng thực sự tầm cỡ thế giới. Song, xét về lâu dài, việc xếp hạng các trường đại học trên thế giới sẽ ngày càng mất đi nhiều ý nghĩa, khi mà nhận thức của người Mỹ về “chúng ta”

và “họ” dần thay đổi. Quả thực, mức độ chưa từng thấy trong lịch sử về tính cơ động của sinh viên và ngành học đã trở thành một trong những đặc điểm định hình giáo dục đại học toàn cầu. Sự hợp tác khoa học xuyên quốc gia (được đo đếm bởi tổng số công trình khoa học đồng tác giả của các nhà nghiên cứu từ các nước khác nhau) đã tăng hơn hai lần trong hai thập kỷ qua. Các nước như Singapore và Arabia Saudi đang bắt tay vào việc xây dựng một nền văn hóa của sự xuất chúng trong học thuật ngay tại các trường đại học của mình bằng cách thiết lập quan hệ đối tác với những cơ sở giáo dục tinh hoa của phương Tây như Duke, MIT, Stanford và Yale.

Quan niệm về mức độ gắn kết thực sự của một trường đại học với một địa điểm cụ thể nào đó cũng đang được xem xét lại. Các trường đại học của phương Tây, từ Texas A&M đến Sorbonne, đã thu hút nhiều sự chú ý khi thiết lập khoảng 160 chi nhánh thành viên tại châu Á và Trung Đông, mà phần nhiều trong số đó được thành lập trong thập niên vừa qua. Đại học New York (NYU)

mới đây đã đi trước một bước khi mở cửa một cơ sở giáo dục nghệ thuật tự do chính thức tại Abu Dhabi, là một phần của cái mà Hiệu trưởng của NYU John Sexton tiên đoán là “một trường đại học mạng lưới toàn cầu”. Một ngày nào đó, như Phó hiệu trưởng Đại học Warwick danh tiếng của Anh Nigel Thrift khẳng định, chúng ta có thể chứng kiến sự liên kết toàn diện giữa các cơ sở giáo dục – và có lẽ cuối cùng, trường đại học sẽ tương đương với các tập đoàn đa quốc gia.

Trong kỷ nguyên tới đây của giáo dục toàn cầu hóa, ít có chỗ cho những cảnh báo Sputnik thời Chiến tranh Lạnh, cho sự hoảng loạn trước kỳ tích Thượng Hải như hiện nay và những hệ quả tất yếu vẫn còn bị che khuất phía cuối chân trời. Cuộc chạy đua giáo dục quốc tế lành mạnh là cuộc chạy đua để phát triển năng lực trí tuệ mà Mỹ và bất kỳ nước nào khác cũng cần có nhằm đối phó với những thách thức to lớn của thế kỷ XXI – và việc ai giành được ngôi đầu sẽ không còn có ý nghĩa nhiều như chúng ta một thời từng lo ngại.